BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1145 /QĐ-BKHCN	*Hà Nội, ngày 12 tháng 5 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt danh mục nhiệm vụ KH&CN đặt hàng thuộc Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020 để xét giao trực tiếp bắt đầu thực hiện từ năm 2017

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 2075/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định quản lý Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020 và Thông tư số 08/2016/TT-BKHCN ngày 24 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2014/TT-BKHCN;

Căn cứ Quyết định số 1581/QĐ-BKHCN ngày 25 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phân công trách nhiệm và quy trình phối hợp quản lý Chương trình Phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020;

Trên cơ sở kết quả làm việc và kiến nghị của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thành lập theo các Quyết định số 574/QĐ-BKHCN, 575/QĐ-BKHCN và 576/QĐ-BKHCN ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020 bắt đầu thực hiện từ năm 2017;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tổng hợp và Cục trưởng Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục năm (05) nhiệm vụ KH&CN đặt hàng thuộc Chương trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ đến năm 2020 để xét giao trực tiếp bắt đầu thực hiện từ năm 2017 *(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)*.

Điều 2. Giao Cục trưởng Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ tổ chức Hội đồng tư vấn xét giao trực tiếp các nhiệm vụ nêu tại Điều 1 của quyết định này theo quy định hiện hành và báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về kết quả thực hiện.

Điều 3. Cục trưởng Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tổng hợp và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KHTH.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Trần Văn Tùng

Phụ lục

DANH MỤC NHIỆM VỤ KH&CN ĐẶT HÀNG THUỘC CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐẾN NĂM 2020 ĐỂ XÉT GIAO TRỰC TIẾP BẮT ĐẦU THỰC HIỆN TỪ NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định số 1145 /QĐ-BKHCN ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

TT	Tên nhiệm vụ KH&CN	Mục tiêu	Sản phẩm dự kiến đạt được	Phương thức tổ chức thực hiện	Thời gian thực hiện
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*
1	Dự án "Thương mại hóa hệ thống thiết bị và quy trình công nghệ lên men sản xuất chế phẩm vi sinh xử lý ô nhiễm môi trường".	*Mục tiêu chung:* Nâng cấp hệ thống thiết bị để ứng dụng quy trình công nghệ lên men chế phẩm vi sinh xử lý chất thải hữu cơ *Mục tiêu cụ thể:* 1. Nâng cấp và chuẩn hóa hệ thống thiết bị ứng dụng công nghệ lên men trong sản xuất chế phẩm vi sinh quy mô bán công nghiệp. 2. Hoàn thiện quy trình công nghệ lên men trong sản xuất chế phẩm vi sinh đạt chất lượng cao. 3. Thương mại hóa và chuyển giao hệ thống hệ thống thiết bị và quy trình công nghệ lên men sản xuất chế phẩm vi sinh xử lý ô nhiễm môi trường.	1) Báo cáo điều tra, khảo sát nhu cầu thị trường sản xuất, kinh doanh hệ thống thiết bị và quy trình công nghệ lên men sản xuất chế phẩm vi sinh xử lý ô nhiễm môi trường. 2) Báo cáo phương án thương mại hóa hệ thống thiết bị và quy trình công nghệ lên men sản xuất chế phẩm vi sinh. 3) Báo cáo nâng cấp hệ thống thiết bị ứng dụng công nghệ lên men trong sản xuất chế phẩm vi sinh xử lý ô nhiễm môi trường 4) Quy trình công nghệ lên men trong sản xuất chế phẩm vi sinh học xử lý chất thải hữu cơ được chuẩn hóa *(không nhiễm tạp, mật độ tế bào ≥ $5x10^9$/ml).* 5) Hệ thống thiết bị ứng dụng công nghệ lên men trong sản xuất chế phẩm vi sinh xử lý ô nhiễm môi trường (*dung tích đạt 500-1.000 lít/mẻ)với các thông số sau:* + Vật liệu bình: thép không gỉ loại SUS 304 + Bình lên men: tiệt trùng, CIP tại chỗ + Dải tốc độ khuấy 50 tới 300 v/p + Dải nhiệt độ: từ 5^0C trên nhiệt độ cấp nước đến 50^0C. Sai số 0.5^oC. + Nhiệt độ tiệt trùng: 105- 121^0C (trong quá trình tiệt trùng) + Bảng điều khiển. + 04 bơm trên hệ thống (acid, alkali/base, anti-foam và feed) + Cảm biến và phụ kiện cho đo/điều khiển pH; DO; Nhiệt độ + Cảm biến và phụ kiện cho anti-foam.	Xét giao trực tiếp Công ty CP Công nghệ Vi sinh và Môi trường.	Thời gian thực hiện: 24 tháng

			+ Điều khiển phá bọt bằng việc điều khiển bơm nhu động bổ sung hóa chất phá bọt. + 02 bơm nhu động và bình thủy tinh 1000 ml cho điều khiển pH và 01 bơm nhu động và bình 100ml cho điều khiển antifoam 6) Mô hình trình diễn ứng dụng chế phẩm Emic trong xử lý chất thải hữu cơ tại 3 môi trường khác nhau. 7) Chế phẩm sinh học: 03 tấn (mật độ tế bào≥ $x10^9$ CFU/g) hoặc 10 000 lít chế phẩm Emic (≥ $x10^9$ CFU/g), hiệu quả xử lý chất thải hữu cơ đạt tiêu chuẩn TCVN2003. 8) 1-2 sáng chế hoặc giải pháp hữu ích hoặc nhãn hiệu được đăng ký tại Cục SHTT *(có đơn chấp nhận hợp lệ, kèm theo báo cáo đánh giá khả năng bảo hộ của đơn vị chuyên ngành).* 9) Hợp đồng chuyển giao hệ thống thiết bị và quy trình công nghệ lên men trong sản xuất chế phẩm sinh học xử lý ô nhiễm môi trường *(tối thiểu đạt 03 Hợp đồng chuyển giao cho các cơ sở sản xuất).* 10) Báo cáo kết quả thực hiện dự án.		
2	Dự án "Thương mại hóa quy trình công nghệ trồng và chế biến rong nho tươi (*Caulerpa lentillifera* J. Ag)"	*Mục tiêu chung:* Thương mại hóa quy trình trồng và chế biến rong nho tươi (*Caulerpa lentillifera* J. Ag) theo mô hình liên kết chuỗi giá trị. *Mục tiêu cụ thể:* 1. Hoàn thiện, chuẩn hóa quy trình trồng và chế biến rong nho tươi (*Caulerpa lentillifera* J. Ag) 2. Xây dựng tiêu chuẩn cho sản phẩm rong nho tươi để tiêu thụ trên thị trường trong nước và xuất khẩu. 3. Thương mại hóa và chuyển giao thành công	1) Báo cáo điều tra, khảo sát nhu cầu thị trường cung-cầu của sản phẩm rong nho tươi (*Caulerpa lentillifera* J. Ag). 2) Báo cáo phương án thương mại hóa quy trình công nghệ trồng và chế biến rong nho tươi (*Caulerpa lentillifera* J. Ag). 3) Quy trình công nghệ trồng và chế biến rong nho được chuẩn hóa và nghiệm thu cấp cơ sở (đạt năng suất 20-24 tấn/ha/năm; tỉ lệ tươi đạt 70% nguyên liệu thu hoạch. 4) Quy trình công nghệ trồng rong nho xuất khẩu cải tiến đạt năng suất ổn định 20-24 tấn/ha/năm; tỉ lệ rong tươi đáp ứng cho xuất khẩu đạt 70% tổng sản lượng. 5) Hai (02) quy trình công nghệ chế biến rong nho xuất khẩu cải tiến gồm: *+ Quy trình sơ chế và bảo quản sản phẩm rong nho tươi xuất khẩu (thời gian bảo quản 10 - 15 ngày);* *+ Quy trình công nghệ chế biến và bảo quản rong nho tách nước xuất khẩu (thời gian bảo quản 6 - 12 tháng);* 6) Mô hình chế biến rong nho xuất khẩu cải tiến đạt công suất 10 tấn nguyên liệu/năm tại vùng ĐBSCL và 20 tấn nguyên liệu/năm tại Khánh Hòa.	Xét giao trực tiếp Trung tâm ứng dụng và dịch vụ KH&CN, Cục Công tác phía Nam, Bộ KH&C	Thời gian thực hiện: 24 tháng

		quy trình công nghệ trồng và chế biến rong nho tươi (*Caulerpa lentillifera* J. Ag).	7) Mô hình liên kết doanh nghiệp và người nông dân trồng rong nho xuất khẩu (đạt năng suất 20-24 tấn/ha/năm tại Khánh Hòa và ĐBSCL (quy mô 1 hecta/địa phương). 8) Rong nho tươi đã qua sơ chế và bảo quản: 1.0 tấn đạt tiêu chuẩn ATVSTP theo quy định của Bộ Y tế. *(thời gian bảo quản từ 10-15 ngày)* và Rong nho tươi tách nước cho xuất khẩu: 0.5 tấn đạt tiêu chuẩn ATVSTP theo quy định của Bộ Y tế. *(thời gian bảo quản từ trên 6 tháng)* 9) 1-2 sáng chế hoặc giải pháp hữu ích hoặc nhãn hiệu hàng hóa được đăng ký tại Cục SHTT *(có đơn chấp nhận hợp lệ, kèm theo báo cáo đánh giá khả năng bảo hộ của đơn vị chuyên ngành).* *10)* 150-160 người được đào tạo về quy trình trồng và chế biến rong nho; 11) 01 bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành. 12) Hợp đồng chuyển giao quy trình công nghệ trồng và chế biến rong nho tươi (*Caulerpa lentillifera* J. Ag) *(tối thiểu đạt 03 Hợp đồng chuyển giao cho các cơ sở sản xuất)* 13) Báo cáo kết quả thực hiện dự án.	N.	
3	Dự án "Hỗ trợ thương mại hóa giống lúa CXT30"	*Mục tiêu chung:* Thúc đẩy thương mại hóa giống lúa CXT30 tại các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. *Mục tiêu cụ thể:* 1. Xây dựng mô hình trình diễn giống lúa CXT30 tại các tỉnh. 2. Công nhận chính thức giống lúa CXT30. 3. Chuyển giao công nghệ sản xuất giống lúa CXT30 cho các công ty giống ở các địa phương.	1) Mô hình trình diễn: 30 mô hình cho 3 vụ, diện tích mỗi mô hình trình diễn khoảng 5-10 ha *(Năng suất từ 60-70 tạ/ha trong vụ Xuân, 55-65 tạ/ha trong điều kiện vụ mùa).* 2) Sản xuất và thương mại hóa được 3 tấn siêu nguyên chủng, 100 tấn nguyên chủng, 30.000 – 40.000 tấn giống đạt QCVN01-54-2011/BNN&PTNN. 3) Báo cáo kết quả điều tra khả năng tiếp thu giống lúa CXT30 tại 10 tỉnh. 4) Giống lúa CXT30 được Bộ NN&PTNN công nhận chính thức và cấp văn bằng bảo hộ giống lúa CXT30. 5) Hợp đồng chuyển giao công nghệ cho 02-03 công ty giống địa phương. 6) 04 hội thảo quảng bá giới thiệu giống lúa CXT30, 30.000 tờ rơi, 02 video clip truyền thông. 7) 05 lớp đào tạo về nâng cao năng lực thương mại giống lúa CXT30. 8) 50 lượt cán bộ được tập huấn kỹ thuật duy trì, sản xuất hạt giống và 500 hộ nông dân kỹ thuật thâm canh lúa thương phẩm. 9) 01 bài báo được đăng trên tạp chí chuyên ngành. 10) Báo cáo kết quả thực hiện dự án.	Xét giao trực tiếp cho Công ty Cổ phần Công-Nông nghiệp sạch Việt Nam	Thời gian thực hiện: 24 tháng
4	Dự án	*Mục tiêu chung:*	1) Lựa chọn 06 kết quả nghiên cứu có giá trị kinh tế để thúc đẩy xúc tiến	Xét	Thời

	"Hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại hóa công nghệ của Hội nữ trí thức Việt Nam"	Hỗ trợ các nhà khoa học nữ thuộc hội nữ trí thức Việt Nam thương mại hóa các kết quả nghiên cứu KH&CN vào sản xuất kinh doanh trong và ngoài nước. *Mục tiêu cụ thể:* Nâng cao kiến thức về thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu KH&CN, cách thức thành lập doanh nghiệp KH&CN cho các nhà khoa học nữ.	thương mại hóa công nghệ 2)06 chuyên đề truyền thông 3) 06 lớp tập huấn về thương mại hóa công nghệ 4) Giới thiệu và trưng bày thường xuyên 200 sản phẩm công nghệ của các nhà khoa học thuộc Hội Nữ trí thức Việt Nam 5) Báo cáo kết quả thực hiện dự án.	giao trực tiếp cho Trung tâm Ứng dụng khoa học công nghệ và khởi nghiệp, Hội nữ trí thức Việt Nam	gian thực hiện: 24 tháng
5	Dự án "Xây dựng hệ thống liên kết các sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến vùng duyên hải Bắc bộ nhằm thúc đẩy thị trường	*Mục tiêu chung:* Xây dựng và phát triển hệ thống liên kết các sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trên môi trường trực tuyến kết nối 05 Sàn giao dịch công nghệ của 05 tỉnh/thành trong vùng duyên hải Bắc bộ gồm: Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Quảng Ninh, Ninh Bình. *Mục tiêu cụ thể:* - Đồng bộ, thống nhất về công nghệ, hạ tầng thiết bị và nghiệp vụ trong việc tổ	1) Phần mềm và cơ sở hạ tầng, trang thiết bị hệ thống liên kết các sàn giao dịch công nghệ trực tuyến. 2) 05 sàn giao dịch công nghệ trong vùng duyên hải Bắc bộ gồm Hải phòng, Thái Bình, Quảng Ninh, Nam Định, Ninh Bình được kết nối đồng bộ với nhau. 3) Quy chế vận hành chung hệ thống liên kết và các quy trình, biểu mẫu vận hành Sàn giao dịch công nghệ trực tuyến. 4) Báo cáo kết quả thực hiện dự án.	Xét giao trực tiếp cho Sàn giao dịch công nghệ và thiết bị Hải Phòng	Thời gian thực hiện: 24 tháng

	công nghệ tại Việt Nam"	chức, quản lý và trao đổi thông tin tiến tới kết nối mạng lưới các sàn giao dịch công nghệ và thiết bị khác trong cả nước và mở rộng ở một số quốc gia khác từ năm 2020. - Vận hành hệ thống liên kết các sàn giao dịch công nghệ và thiết bị trực tuyến trên môi trường internet để giao dịch, trao đổi và khai thác các nguồn thông tin trong hệ thống.			

(Danh mục gồm 05 nhiệm vụ)